

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2020 và dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách thị xã năm 2021

(Báo cáo trình tại kỳ họp thứ 16, HĐND thị xã khóa VI kèm theo tờ trình số 1492/Tr-UBND của UBND thị xã, ngày 14 tháng 12 năm 2020)

Thực hiện quy định của Luật NSNN năm 2015, UBND thị xã trình HĐND thị xã Báo cáo tình hình thực hiện thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2020 và Dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2021 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2020

Thực hiện Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND thị xã về nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2020, UBND thị xã đã tập trung chỉ đạo, chủ động tích cực trong công tác điều hành thu chi ngân sách. Trong năm, công tác thu chi NSNN đã đảm bảo các nhiệm vụ chủ yếu và đáp ứng kịp thời nhiều nhiệm vụ phát sinh. Cụ thể như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của thị xã ước thực hiện là 254.528 triệu đồng (NS thị xã được hưởng là 235.970 triệu đồng) đạt 121% so với dự toán năm và bằng 105% so với thực hiện năm 2019.

1. Thu NSNN trên địa bàn:

a) Kết quả thực hiện:

Số thu NSNN trên địa bàn năm 2020 ước thực hiện là 92.836 triệu đồng đạt 114% dự toán năm và bằng 91% so với thực hiện năm 2019 (nếu trừ đi số thu tiền sử dụng đất và thu khác thì số thu NSNN trên địa bàn thị xã được hưởng là 40.662 triệu đồng, đạt 100,9% dự toán năm), bao gồm:

- **Các khoản thu do ngành thuế quản lý** : Ước thực hiện là 40.662 triệu đồng, (trong đó ngân sách thị xã được hưởng là 39.486 triệu đồng), đạt 100,9% dự toán năm và bằng 87% so với thực hiện năm 2019.

- **Thu tiền sử dụng đất**: Ước thực hiện là 49.924 triệu đồng trong đó ngân sách thị xã được hưởng 44.932 triệu đồng đạt 126,6% dự toán năm và bằng 97% so với thực hiện năm 2019

- **Thu khác ngân sách**: ước thực hiện là 2.250 triệu đồng, trong đó ngân sách thị xã được hưởng là 550 triệu đồng, đạt 128,5% dự toán năm và bằng 57,9% so với thực hiện năm 2019

b) Đánh giá nguyên nhân kết quả đạt được:

- Các khoản thu dự kiến không hoàn thành dự toán gồm: thu thuế ngoài quốc doanh; thu phí, lệ phí và thu khác cấp xã. Tổng số hụt thu từ các khoản thu trên dự kiến là 4.113 triệu đồng. Nguyên nhân là do trong năm bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 và bão lụt nên hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, phải tạm dừng, không có doanh thu.

- Các khoản thu còn lại dự kiến hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán. Dự kiến số thu vượt đủ bù đắp được số hụt từ các khoản thu trên (4.292 triệu đồng). Một số khoản thu vượt dự toán cao, cụ thể như sau:

+ **Thu lệ phí trước bạ:** Ước thực hiện của nguồn thu này là 8.700 triệu đồng đạt 109% dự toán năm, vượt dự toán năm 700 triệu đồng. Khoản thu này tăng cao là do trong năm hoạt động chuyển nhượng nhà đất tăng, đồng thời chính sách thuế nhập khẩu đối với ô tô có thay đổi nên đã khuyến khích được nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của người dân.

+ **Thuế TNCN:** Ước thực hiện cả năm là 4.500 triệu đồng đạt 150% dự toán năm, vượt dự toán năm là 1.500 triệu đồng. Do nguồn thu vãng lai sụt giảm nhiều, nên nguồn thu này thực hiện chủ yếu là huy động từ khu vực hộ cá thể nộp thuế khoán và thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

+ **Thu phí và lệ phí:** Năm 2020, khoản thu này vượt dự toán đầu năm 150 triệu đồng, chủ yếu ở ngân sách cấp huyện. Nguyên nhân là do các đơn vị đã tích cực thực hiện thu đúng, thu đủ các khoản thu được giao. Mặt khác việc phân cấp, giao dự toán phù hợp với tình hình thu trên địa bàn, đảm bảo quy định phân cấp quản lý nguồn thu.

+ **Khoản thu tiền sử dụng đất:** Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch, ngay từ đầu năm thị xã đã tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tập trung triển khai kịp thời các quy trình thủ tục để thực hiện việc đấu giá đất ở các khu vực đã quy hoạch. Đã tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, vì vậy số thu dự kiến vượt dự toán đề ra gần 10.000 triệu đồng.


2. Thu ngân sách địa phương:

a) Các khoản thu được hưởng theo phân cấp:

Ước thực hiện là 84.968 triệu đồng đạt 113% dự toán HĐND thị xã giao (*trong đó số thu tiền sử dụng đất là 44.932 triệu đồng*), bao gồm:

- Các khoản thu hưởng 100%: 3.093 triệu đồng, trong đó ngân sách cấp huyện là 2.973 triệu đồng, ngân sách xã là 220 triệu đồng

- Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ phân chia là 81.875 triệu đồng, trong đó ngân sách cấp huyện là 77.771 triệu đồng, ngân sách xã là 4.104 triệu đồng.

Nếu trừ đi số thu tiền sử dụng đất, thì số thu ngân sách trên địa bàn năm 2020 ngân sách thị xã được hưởng là 40.036 triệu đồng đạt 100,6% dự toán năm, trong đó ngân sách cấp huyện là 35.712 triệu đồng đạt 97,8% dự toán năm, ngân sách cấp xã là 4.324 triệu đồng đạt 130,2% dự toán năm. Như vậy mặc dù số thu ngân sách thị xã đạt 

kế hoạch, nhưng ngân sách cấp huyện lại bị hụt thu, ước khoản 800 triệu đồng. Nguyên nhân là do khoản thu ngoài quốc doanh tại các doanh nghiệp hụt thu.

b) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: Ước thực hiện cả năm 2020 là 126.495 triệu đồng (*trong đó bổ sung cân đối: 99.219 triệu*), đạt 93% dự toán và bằng 109,3% so với thực hiện năm 2019.

Số thu bổ sung có mục tiêu không đạt dự toán giao đầu năm do khoản thu từ đầu giá tài sản chưa triển khai thực hiện được (dự toán giao là 27.000 triệu đồng). Nguyên nhân là do các ban ngành cấp tỉnh đang tiến hành một số quy trình thủ tục theo quy định về quản lý tài sản để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phần tăng thêm của kinh phí bổ sung có mục tiêu là 17.694 triệu đồng (*dự toán là 9.852 triệu, thực hiện là 27.276 triệu đồng*) để thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 2.425 triệu đồng (*gồm: xây dựng NT mới, chương trình giảm nghèo...*);

- Kinh phí phòng chống dịch tả lợn châu Phi và dịch Covid -19: 6.984 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện chế độ an sinh xã hội: 1.467 triệu đồng (*bao gồm tiền điện hộ nghèo, miễn giảm học phí, tiền ăn cho trẻ 3-5 tuổi, trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội...*);

- Kinh phí khắc phục hậu quả bão lụt năm 2019 và năm 2020: 4.300 triệu đồng

- Kinh phí phục vụ các nhiệm vụ phát sinh khác: 2.518 triệu đồng (*Kinh phí tổ chức đại hội Đảng, kinh phí dự án Lramp, hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa...*)

c) Thu kết dư: 427 triệu đồng, trong đó ngân sách thị xã 27 triệu, ngân sách xã là 400 triệu đồng

d) Thu chuyên nguồn: 42.638 triệu đồng, trong đó ngân sách thị xã 41.554 triệu đồng, ngân sách xã là 1.084 triệu đồng

3. Các khoản thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp

Số ước thực hiện là 5.772 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch năm. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và bão lụt nên hầu hết các khoản thu của đơn vị sự nghiệp công bị hụt thu. UBND thị xã đã chỉ đạo các đơn vị rà soát để cắt giảm các khoản chi tương ứng và tìm nguồn bù đắp các khoản chi đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai tại đơn vị.

Tóm lại: Thu nội địa năm 2020 (*đã trừ khoản thu tiền sử dụng đất và các khoản thu có mục tiêu*) cơ bản hoàn thành dự toán được giao. Trong điều kiện khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh nặng nề, việc thực hiện hoàn thành dự toán thu ngân sách năm 2020 đã góp phần không nhỏ trong việc đảm bảo nguồn lực tài chính cho các cơ quan đơn vị thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao. Đây chính là kết quả của việc chỉ đạo sâu sát của Thị ủy, HĐND, UBND thị xã và sự vào cuộc đồng bộ của toàn hệ thống chính trị, đặc biệt là những nỗ lực, cố gắng lớn của cơ quan Thuế, Tài chính và các đơn vị liên quan.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (có phụ lục chi tiết kèm theo)

Năm 2020, chi NSNN địa phương ước thực hiện là 252.835 triệu đồng đạt 120% dự toán được giao, bao gồm các khoản chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: Năm 2020, số chi trong cân đối là 64.250 triệu đồng, đạt 160 % kế hoạch năm, trong đó thanh toán bằng nguồn XDCB tập trung là 4.305 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất 44.032 triệu đồng, nguồn khác 15.913 triệu đồng. Trong năm, mặc dù số thu từ thanh lý tài sản chưa thực hiện được nhưng các công trình trong kế hoạch đầu tư công vẫn được đảm bảo số vốn theo kế hoạch. Để đảm bảo nguồn ngân sách, UBND thị xã đã rà soát thực hiện cắt giảm một số dự án, nhiệm vụ chưa triển khai đồng thời điều chỉnh nguồn kinh phí từ kết dư, tăng thu, và tạm ứng các nguồn ngân sách khác để đảm bảo kế hoạch vốn. Nhờ vậy đã giải quyết hoàn thành việc thanh toán các khoản tạm ứng ngoài dự toán kéo dài nhiều năm và việc giảm nợ XDCB theo quy định.

2. Chi thường xuyên:

Số chi thường xuyên năm 2020 ước thực hiện là 143.559 triệu đồng đạt 110% dự toán năm. Phần tăng thêm so với dự toán chủ yếu do thực hiện các nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh, bão lụt, hỗ trợ đại hội Đảng các cấp và một số nhiệm vụ cấp thiết phát sinh.... Phần chi tăng thêm để thực hiện các khoản chi trên được sử dụng từ các nguồn sau:

- Nguồn dự phòng ngân sách 3.147 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách thị xã là 2.724 triệu đồng thực hiện các nhiệm vụ sau: chi phục vụ nhiệm vụ ANQP: 690 triệu; chi phòng chống dịch bệnh, thiên tai 875 triệu đồng, chi phục vụ đại hội Đảng 536 triệu đồng, KP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh của các cơ quan đơn vị là 623 triệu đồng.

+ Ngân sách xã, phường 423 triệu đồng (*chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ chi phục vụ đại hội Đảng và phòng chống dịch bệnh và thiên tai*)

- Các nguồn ngân sách khác: 9.677 triệu đồng (gồm các nguồn: tăng thu và tiết kiệm chi năm 2019, Nguồn CCTL, kinh phí chuyển nguồn...)

Trong năm, các nhiệm vụ chi thường xuyên đều hoàn thành vượt mức dự toán được giao, công tác điều hành chi ngân sách chủ động và linh hoạt, đáp ứng kịp thời nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương như: Đại hội đảng, công tác phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả bão lụt.v.v.. Các chế độ an sinh xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia được đảm bảo thực hiện đúng chế độ tiêu chuẩn hiện hành. Tuy nhiên do yêu cầu của một số nhiệm vụ quy hoạch đô thị, bảo vệ môi trường (*điện chiếu sáng, hoạt động xử lý nước thải...*), sửa chữa trụ sở, các công trình thiết yếu của các cơ quan, đơn vị lớn; trong khi đó kinh phí nguồn sự nghiệp kinh tế, môi trường được tính phân cấp hạn chế nên một số nhiệm vụ chi vẫn còn bị đọng, thiếu nguồn để thanh toán.

3. Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu:

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 2.425 triệu đồng, trong đó chương trình xây dựng NTM là 2.230 triệu đồng, chương trình giảm nghèo bền vững là 195 triệu đồng.

- Chi các chương trình nhiệm vụ khác: 24.851 triệu đồng bằng 68%% dự toán năm. Trong đó chi từ nguồn vốn đầu tư XDCB 9.777 triệu đồng, chi thường xuyên là 15.074 triệu đồng (bao gồm các nhiệm vụ chi: khắc phục hậu quả bão lụt, phòng chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội, đại hội Đảng các cấp và một số nhiệm vụ phát sinh theo chính sách của địa phương...). Số chi không đạt dự toán giao đầu năm do chưa thu được nguồn thanh lý tài sản.

4. Chi chuyên nguồn: ước thực hiện là 17.750 triệu đồng, chủ yếu là nguồn kinh phí thực hiện CCTL còn lại tiếp tục chuyển sang năm sau để thực hiện theo quy định.

5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã: Ước thực hiện là 26.266 triệu đồng, *bổ sung cân đối 17.790 triệu, BS có mục tiêu: 8.476 triệu đồng*

Tóm lại: Trong điều kiện nguồn thu còn nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo các cấp và sự nỗ lực cố gắng của các cơ quan chuyên môn nên các nhiệm vụ chi vẫn được đảm bảo và cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các cơ quan đơn vị trên địa bàn.

Trong năm, UBND thị xã cũng đã tập trung chỉ đạo công tác tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm toán chi tiết ngân sách của KTNN khu vực II đảm bảo kịp thời, nghiêm túc. Thực hiện các quy định về điều hành ngân sách của Chính phủ và Bộ Tài chính, UBND thị xã cũng đã chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện việc tiết kiệm chi theo quy định để bổ sung nguồn cải cách tiền lương, cắt giảm các nhiệm vụ không cần thiết để bù hụt thu; thực hiện việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đảm bảo theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên do nguồn thu nhỏ, thiếu ổn định; định mức chi thường xuyên của đơn vị HCSN thấp, số tiết kiệm nhiều nên việc điều hành ngân sách có lúc vẫn còn bị động, lúng túng. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi tiêu tiếp khách, kỷ niệm gặp mặt, mua sắm, sử dụng tài sản thiết bị văn phòng trong một số cơ quan đơn vị vẫn chưa thực hiện triệt để.

PHẦN THỨ II.

DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

Căn cứ quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của TW, tỉnh; trên cơ sở tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2020 của thị xã, Dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- Quán triệt yêu cầu thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của thị xã và các chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành

- Việc xây dựng dự toán phải đảm bảo mục tiêu: hoàn thành dự toán thu ngân sách Tỉnh giao để đảm bảo cân đối các nhiệm vụ chi của địa phương trong năm, nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách, đảm bảo kế hoạch vốn theo kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Năm 2021 là năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, do đó dự toán chi ngân sách thị xã năm 2021 được xây dựng và phân bổ trên cơ sở định mức quy định tại Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các chế độ chính sách, nhiệm vụ mới phát sinh.

Trên nguyên tắc đó, Dự toán thu chi ngân sách năm 2021 được dự kiến như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Tổng thu ngân sách năm 2021 của thị xã dự kiến là: 204.899 triệu đồng, bằng 125,8% so với dự toán tỉnh giao năm 2021 và bằng 97% so với dự toán thị xã giao năm 2020.

1. Thu NSNN trên địa bàn: Tổng thu NSNN trên địa bàn là 75.510 triệu đồng (trong đó phân cấp ngân sách thị xã hưởng là 69.790 triệu đồng), cụ thể như sau:

- **Các khoản thu do ngành thuế quản lý:** Năm 2021 HĐND tỉnh giao cho thị xã các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí là 33.800 triệu đồng, giảm so với dự toán giao năm 2020 là 6.400 triệu đồng. Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, UBND thị xã dự kiến lập kế hoạch thu năm 2021 là 30.810 triệu đồng, tăng 10 triệu đồng so với dự toán tỉnh giao. Số tăng thêm dự kiến thu từ khoản nợ thuế đất sử dụng nông nghiệp và phi nông nghiệp. *(Chi tiết các khoản thu dự kiến giao theo phụ lục 16 kèm theo)*

- **Thu tiền sử dụng đất:** Số giao thu dự kiến là 40.000 triệu đồng tăng 20.000 triệu đồng so với dự toán tỉnh giao. Theo quy định của Nghị quyết HĐND thời kỳ ổn định NS 2017-2020 số thu từ tiền sử dụng đất điều tiết cho ngân sách tỉnh 10% (4.000 triệu đồng), ngân sách thị xã được sử dụng là 36.000 triệu đồng

- **Thu khác ngân sách:** số giao thu là 1.700 triệu đồng *(trong đó ngân sách thị xã được hưởng 1.000 triệu đồng)*. So với khả năng thu của thị xã, số thu khác giao cân đối cho thị xã khá cao, do các nguồn này chủ yếu do các cơ quan TW và cấp tỉnh thực hiện nên đã điều tiết cho ngân sách TW và tỉnh. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ của địa phương trong năm tới UBND thị xã dự kiến giao số thu khác bằng dự toán tỉnh giao, gồm các khoản thu cụ thể như sau:

- + Thu khác ngân sách TW, tỉnh: 700 triệu đồng
- + Thu cho thuê tài sản, thu khác tại thị xã: 920 triệu đồng
- + Thu khác tại xã, phường: 80 triệu đồng

2. Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu NSDP năm 2021 dự kiến là: 204.899 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Thu NSNN trên địa bàn được hưởng theo phân cấp: 69.790 triệu đồng, bao gồm:

- Thu NSDP hưởng 100%: 2.659 triệu đồng *(trong đó ngân sách cấp huyện là 2.439 triệu đồng, ngân sách xã là 220 triệu đồng)*, tăng hơn so với dự toán HĐND tỉnh giao 10 triệu đồng (thu thuế sử dụng đất nông nghiệp).

- Thu NSDP được hưởng theo tỷ lệ phân chia là 67.131 triệu đồng *(trong đó ngân sách cấp huyện là 63.819,7 triệu đồng, ngân sách xã là 3.311,3 triệu đồng)*, tăng hơn so dự toán HĐND tỉnh giao là 18.000 triệu đồng (thu tiền sử dụng đất).

b) Thu bổ sung từ NS cấp tỉnh: 135.109 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối: 98.663 triệu đồng
- Bổ sung có mục tiêu: 9.605 triệu đồng
- Bổ sung thực hiện CCTL: 2.841 triệu đồng

- Bổ sung từ nguồn thu thanh lý tài sản: 24.000 triệu đồng.

* Khoản thu bổ sung có mục tiêu từ nguồn thu thanh lý tài sản trên địa bàn chưa được HĐND tỉnh không giao trong dự toán đầu năm. Theo quy định khoản thu này sẽ nộp vào Tài khoản của Sở Tài chính và UBND tỉnh sẽ quyết định điều tiết bổ sung nguồn kinh phí này để thực hiện các dự án XDCB theo quy định của Luật quản lý tài sản. Căn cứ tình hình thực tế của năm 2021 về dự kiến số thu từ việc thanh lý tài sản trên địa bàn, để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các công trình dự án theo Kế hoạch đầu tư công đã được HĐND thị xã thông qua, UBND thị xã dự kiến nhiệm vụ thu này để có căn cứ phân bổ ngân sách và triển khai thực hiện.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi NSNN địa phương quản lý: 204.899 triệu đồng, bao gồm các khoản chi sau: (Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

1. Chi đầu tư phát triển:

- Tổng chi đầu tư phát triển năm 2021 dự kiến là 39.202 triệu đồng, Bao gồm:
 - + Chi XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất là : 36.000 triệu đồng;
 - + Chi XDCB từ nguồn tỉnh phân cấp là 3.202 triệu đồng;

2. Chi thường xuyên: Dự toán là 129.079 triệu đồng bằng 100,1% dự toán tỉnh giao (đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL), bao gồm:

- Ngân sách cấp huyện: 109.339 triệu đồng, trong đó chi sự nghiệp GD &ĐT là 62.787 triệu đồng (CCTL 217 triệu đồng), chi sự nghiệp bảo vệ môi trường là 7.070 triệu đồng.

- Ngân sách cấp xã: 19.740 triệu đồng, trong đó chi sự nghiệp GD &ĐT là 225 triệu đồng

3. Dự phòng NS: 3.013 triệu đồng, bằng 100% dự toán tỉnh giao (bao gồm ngân sách thị xã: 2.628 triệu đồng, ngân sách xã, phường 3853 triệu đồng).

4. Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu:

a) Số chi từ nguồn NS tỉnh bổ sung có mục tiêu là 9.605 triệu đồng, cụ thể:

- Ngân sách thị xã: 8.940 triệu đồng, trong đó chi đầu tư phát triển khác 3.494 triệu đồng, chi thực hiện các chính sách, nhiệm vụ 5.446 triệu đồng

- Ngân sách xã, phường: 665 triệu đồng, (trong đó phụ cấp CTV khuyến nông, thú y 250 triệu đồng; mua sắm trang thiết bị 280 triệu đồng, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khác: 135 triệu đồng)

b) Số chi từ nguồn bổ sung thu thanh lý tài sản: 24 tỷ (bổ sung vốn cho các công trình theo kế hoạch vốn đầu tư công)

5. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường: dự kiến số bổ sung ngân sách cho ngân sách xã phường năm 2021 là 17.258,7 triệu đồng, trong đó bổ sung cân đối là 16.593,7 triệu đồng, bổ sung có mục tiêu là 665 triệu đồng.

III. Một số biện pháp chủ yếu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 2021.

1. Về thu ngân sách:

- Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2020, các cơ quan, đơn vị và UBND xã, phường đánh giá đúng những tồn tại hạn chế, làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan để có những giải pháp quản lý thu hiệu quả, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong năm 2021 để phấn đấu tăng thu để đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ nhiệm vụ kinh tế, xã hội của địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để rà soát, đối chiếu xác định các tổ chức, cá nhân đang sản xuất kinh doanh để quản lý thuế, kịp thời quản lý các hộ kinh doanh theo mùa vụ;

- Tổ chức thu đúng, thu đủ các khoản thu vào NSNN. Thu hồi kịp thời các khoản truy thu theo kết luận của cơ quan chức năng và cơ quan thuế. Tăng cường công tác phòng, chống gian lận thương mại; công tác quản lý, kiểm tra thuế ở các doanh nghiệp nhằm bảo đảm nguồn thu bổ sung cân đối cho các xã phường và hoàn thành dự toán được giao.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong ngành Tài chính, tạo thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế, nhất là việc thu thuế của các doanh nghiệp ngoại tỉnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Đối với khu vực ngoài quốc doanh: Phân loại để có biện pháp quản lý thích hợp, gắn trách nhiệm của chính quyền phường, xã trong việc chăm lo khai thác và quản lý nguồn thu ngân sách, chống thất thu để đáp ứng nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư quyền sử dụng đất ở các khu vực đã quy hoạch, đầu tư tài sản được thanh lý để chủ động nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án trong danh mục XDCCB đã thông qua.

2. Về chi ngân sách:

Dự toán chi năm 2021 phân bổ cho các cơ quan đơn vị mới cơ bản đáp ứng các khoản chi theo chế độ chính sách, trong khi nhu cầu chi của các cơ quan đơn vị là rất lớn. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao trong điều kiện ngân sách hạn hẹp, các cơ quan đơn vị cần tập trung một số biện pháp sau:

- Tiếp tục quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước trong quản lý, điều hành ngân sách, thực hiện nghiêm túc các quy định về giao quyền tự chủ về sử dụng biên chế và tài chính đối với cơ quan HCSN.

- Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện việc quản lý, sử dụng ngân sách theo đúng Luật ngân sách và chế độ, tiêu chuẩn, định mức đã ban hành. Thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại, cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, chi phí lễ hội, khánh tiết, hội nghị, tiếp khách... Thủ trưởng các cơ quan đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc quyết định chi không đúng chế độ, sử dụng kinh phí trái quy định. Thường xuyên thanh tra, vd

kiểm tra để chấn chỉnh và xử lý nghiêm minh, kịp thời các sai phạm trong quản lý ngân sách nhà nước.

- Cơ quan Tài chính và Kho bạc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi; tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhưng vẫn đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ quy định.

- Các cơ quan đơn vị chủ động tính toán, sử dụng nguồn ngân sách đã được giao để đảm bảo các nhiệm vụ mới phát sinh, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán. Việc xem xét bổ sung kinh phí ngoài kế hoạch cho các cơ quan đơn vị chỉ thực hiện từ quý III, trừ trường hợp cấp bách (thiên tai, dịch bệnh...) trên diện rộng, mức độ nghiêm trọng. Không bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ chính sách mới đặc thù riêng phát sinh trong năm 2021 mà chưa cân đối được nguồn kinh phí

Trên đây là tình hình thu chi Ngân sách năm 2020 và dự kiến dự toán thu chi NSNN năm 2021 của thị xã, UBND thị xã Quảng Trị báo cáo HĐND thị xã khoá VI, kỳ họp thứ 16 để xem xét thông qua. / ld

Nơi nhận:

- TT Thị uỷ (b/c); *ld*
- TT HĐND (B/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Ban kinh tế - xã hội HĐND thị xã
- UBND các xã, phường;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Các đại biểu HĐND thị xã,
- Trang thông tin điện tử thị xã
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Phương Bắc

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số **265** /BC-UBND ngày **05** tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước TH năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	211.113	254.528	43.415	121
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	75.312	84.968	9.656	113
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.770	3.093	1.323	175
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	73.542	81.875	8.333	111
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.801	126.495	-9.306	93
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	99.219	99.219	0	100
3	Thu bổ sung có mục tiêu	36.582	27.276	-9.306	75
-	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	2.425		
-	Chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác	36.582	24.851	-11.731	68
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
IV	Thu kết dư	0	427	427	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	42.638	42.638	
B	TỔNG CHI NSDP	211.113	252.835	41.722	120
I	Tổng chi cân đối NSDP	174.531	207.809	33.278	119
1	Chi đầu tư phát triển	40.099	64.250	24.151	160
2	Chi thường xuyên	127.729	143.559	15.830	112
3	Dự phòng ngân sách	3.147	0	-3.147	0
4	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	3.556	0	-3.556	0
II	Chi các chương trình mục tiêu	36.582	27.276	-9.306	75
-	Chi các CT mục tiêu quốc gia		2.425	2.425	
-	Chi các CT mục tiêu nhiệm vụ khác	36.582	24.851	-11.731	68
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	17.750	17.750	

td

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 265../BC-UBND ngày 05 Tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 20120		Ước TH năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	81.508	75.312	92.836	84.968	114	113
I	Thu nội địa	81.508	75.312	92.836	84.968	114	113
1	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý	0	0	674	674		
2	Thu từ khu vực kinh tế NQD	26.250	26.250	22.176	22.176	84	84
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.000	3.000	4.500	4.500	150	150
4	Lệ phí trước bạ	8.000	8.000	8.700	8.700	109	109
5	Thu phí, lệ phí	1.700	850	1.900	1.000	112	118
-	<i>Phí và lệ phí trung ương. Tỉnh</i>	850	0	900	0		
-	<i>Phí và lệ phí huyện</i>	553	553	742	742	134	134
-	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>	297	297	258	258	87	87
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	10	10	10	10	100	100
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	158	158	158	158	100	100
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.200	1.200	2.100	2.100	175	175
9	Thu tiền sử dụng đất	39.440	35.494	49.924	44.932	127	127
10	Tiền cho thuê và tiền bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước	0	0				
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	394	118		
12	Thu khác ngân sách	1.750	350	2.250	550	129	157
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi			50	50		
II	Thu từ dầu thô						

Ghi chú: Thu NSNN trên địa bàn, thu NSDP cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà r

2d

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số .265...../BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước TH năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	211.113	252.835	41.722	120
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	174.531	207.809	33.278	119
I	Chi đầu tư phát triển	40.099	64.250	24.151	160
1	Chi đầu tư cho các dự án	38.899	64.250	25.351	165
-	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			0	
+	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.530	2.713	183	
+	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0	
-	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			0	
+	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	35.494	44.032	8.538	124
+	Chi đầu tư từ nguồn NS tỉnh cân đối	4.605	4.305	-300	93
+	Chi từ nguồn khác	0	15.913	15.913	
2	Chi hỗ trợ vốn cho các dn theo quy định	0	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	1.200		-1.200	0
II	Chi thường xuyên	130.735	143.559	12.824	110
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	61.152	61.284	132	100
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0		
III	Dự phòng ngân sách	3.147	0	-3.147	
IV	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	550		-550	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	36.582	27.276		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	2.425	2.425	
-	Chương trình XDNTM	0	2.230	2.230	
-	Chương trình giảm nghèo bền vững	0	195	195	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	36.582	24.851	-11.731	68
-	KP phục vụ cho vận hành Tabmis	200	200	0	100

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước TH năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	Mua sắm trang thiết bị các cơ quan, đơn vị, phường, xã (đã trừ KP xây dựng tiêu chuẩn ISO)	356	356	0	100
-	Hỗ trợ địa phương thực hiện các nhiệm vụ không cân đối đủ nguồn	7.530	7.530	0	100
-	Hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn thanh lý tài sản	27.000	0	-27.000	0
-	KP hoạt động tăng thêm của banTTNN	5	5	0	100
-	Hỗ trợ KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND các cấp theo NQ 02/2017/NQ-HĐND	350	350	0	100
-	Hỗ trợ hoạt động khu di tích quốc gia Thành Cổ	400	400	0	100
-	Hỗ trợ hđ thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn	500	500	0	100
-	KP hỗ trợ khắc phục bão lụt năm 2019		1.800	1.800	
-	KP hỗ trợ khắc phục bão lụt năm 2020		2.500	2.500	
-	Kinh phí hỗ trợ các hộ chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm, long móng		2.331	2.331	
-	Hỗ trợ KP phục vụ Đại hội Đảng		1.600	1.600	
-	KP chi trả cho đối tượng BTXH	0	1.000	1.000	
-	Phụ cấp đối với nhân viên, CTV thú y và khuyến nông năm 2018	241	241	0	
-	Kinh phí thực hiện chính sách điện hộ nghèo năm 2018		70	70	
-	KP thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2015,2016 và 2020		367	367	
-	KP thực hiện chính sách miễn, giảm học phí		319	319	
-	KP hỗ trợ tiền ăn cho trẻ 3-4 tuổi		49	40	
-	KP hỗ trợ học tập theo Thông tư 42		28	40	
-	KP hỗ trợ phát triển cây trồng, con nuôi chủ lực		100	100	
-	Bố trí vốn đối ứng Dự án LRAMP 2018		432	432	
-	KP bổ sung nguồn vốn hoạt động HTX kiểu mới		20	20	
-	KP thực hiện công tác tiếp nhận, cách ly công dân phòng chống bệnh Covid- 19		2.303	2.303	
-	Kinh phí hỗ trợ thực hiện NQ 42 cho các đối tượng chính sách và đối tượng khác		2.350	2.350	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	17.750	17.750	0

2d

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số 265... /BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước TH năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	211.113	254.528	204.899	-49.629	81
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	75.312	84.968	69.790	-15.178	82
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.770	3.093	2.659	-434	86
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	73.542	81.875	67.131	-14.744	82
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.801	126.495	135.109	8.614	107
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	99.219	99.219	101.504	2.285	102
2	Thu bổ sung có mục tiêu	9.582	27.276	9.605	-17.671	35
3	Thu bổ sung có mục tiêu (nguồn thanh lý tài sản)	27.000	0	24.000	24.000	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	0	0
IV	Thu kết dư	0	427	0	-427	0
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	42.638	0	-42.638	0
B	TỔNG CHI NSDP	211.113	252.835	204.899	-6.214	97
I	Tổng chi cân đối NSDP	174.531	207.809	171.294	-3.237	98
1	Chi đầu tư phát triển	40.099	64.250	39.202	-897	98
2	Chi thường xuyên	127.729	143.559	129.079	1.350	101
3	Dự phòng ngân sách	3.147	0	3.013	-134	96
4	Chi tạo nguồn CCTL	3.556	0		-3.556	0
II	Chi các chương trình mục tiêu	36.582	27.276	33.605	-2.977	92
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	2.425	0	0	0
	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	36.582	24.851	33.605	-2.977	92
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	17.750	0	0	0

Ghi chú: Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số 265.../BC-UBND ngày 5 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước TH năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	92.846	84.968	75.510	69.790	81	82
I	Thu nội địa	92.846	84.968	75.510	69.790	81	82
1	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý	674	674	0	0	0	0
2	Thu từ khu vực kinh tế NQD	22.176	22.176	18.990	18.990	86	86
3	Thuế thu nhập cá nhân	4.500	4.500	3.000	3.000	67	67
4	Lệ phí trước bạ	8.700	8.700	8.390	8.390	96	96
5	Thu phí, lệ phí	1.910	1.000	1.920	900	101	90
-	Phí và lệ phí TW. Tỉnh	910	0	1.020	0	112	
-	Phí và lệ phí huyện	742	742	700	700	94	94
-	Phí và lệ phí xã, phường	258	258	200	200	78	78
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	10	10	10	10	100	100
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	158	158	200	200	127	127
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.100	2.100	1.300	1.300	62	62
9	Thu tiền sử dụng đất	49.924	44.932	40.000	36.000	80	80
10	Tiền cho thuê và tiền bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước	0	0				
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	394	118	0	0	0	0
12	Thu khác ngân sách	2.250	550	1.700	1.000	76	182
13	Thu từ hoa lợi và quỹ đất công ích	50	50	0	0		
II	Thu từ đầu thô						

Ghi chú:

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ đầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chỉ áp dụng đối với thành phố Hà Nội.

2d

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số 265./BC-UBND ngày 5. Tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	211.113	204.899	-6.214	97
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	174.531	171.294	-3.237	98
I	Chi đầu tư phát triển	40.099	39.202	-897	98
1	Chi đầu tư cho các dự án	38.899	34.103	-4.796	88
-	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			0	
+	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.530	778	-1.752	31
+	Chi khoa học và công nghệ				
-	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			0	
+	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	35.494	36.000	506	101
+	Chi đầu tư từ nguồn NS tinh cân đối	4.605	3.202	-1.403	70
2	Chi hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp theo quy định	0	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	1.200	5.099	3.899	425
II	Chi thường xuyên	131.285	129.079	-2.206	98
	Trong đó:			0	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	61.602	63.012	1.410	102
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0	
III	Dự phòng ngân sách	3.147	3.013	-134	96
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	36.582	33.605	-2.977	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0	
-	Chương trình XDNTM	0	0		
-	Chương trình xóa đói giảm nghèo	0	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	36.582	33.605	-2.977	92
-	KP phục vụ cho vận hành Tabmis	200	200	0	100
-	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị các cơ quan, đơn vị, phường, xã	400	400	0	100

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	Hỗ trợ địa phương thực hiện thực hiện các nhiệm vụ không cân đối đủ nguồn (nông thôn mới, sửa chữa, nâng cấp các trường học...)	7.530	4.500	-3.030	60
-	Hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn thanh lý trụ sở các đơn vị	27.000	24.000	-3.000	
-	Hỗ trợ xây dựng thị xã đạt đô thị loại III	0	2.000	2.000	
-	Hỗ trợ công tác chỉnh trang đô thị	0	1.000	1.000	
-	KP hoạt động tăng thêm của banTTNN	5	5	0	100
-	Hỗ trợ KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND các cấp theo NQ 02/2017/NQ-HĐND	350	350	0	100
-	Hỗ trợ hoạt động khu di tích quốc gia Thành Cổ	400	400	0	100
-	Hỗ trợ hoạt động thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn	500	500	0	100
-	Phụ cấp đối với nhân viên, CTV thú y và khuyến nông năm 2018	241	250	9	104
-	Kinh phí thực hiện KH áp dụng HT chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO năm	-44	0	44	
-	Hỗ trợ KP trang cấp phần mềm quản lý các khoản thu và sử dụng hóa đơn điện tử trong các trường học	0	0	0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	0	0	

2/2

**ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**

(Kèm theo báo cáo số **265**. /BC-UBND ngày...**5**...tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	207.793	248.720	40.927	120
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	71.992	80.644	8.652	112
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.801	126.495	-9.306	93
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	99.219	99.219	0	100
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	36.582	27.276	-9.306	75
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)	0	0	0	
4	Thu kết dư	0	27	27	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	41.554	41.554	
II	Chi ngân sách	207.793	247.815	40.022	119
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	189.471	203.799	14.328	108
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	18.322	26.266	7.944	143
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	17.790	17.790	0	100
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>	532	8.476	7.944	1.593
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	17.750	17.750	
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP	0		0	
B	NGÂN SÁCH XÃ			0	
I	Nguồn thu ngân sách	21.642	32.074	10.432	148
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	3.320	4.324	1.004	130
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	18.322	26.266	7.944	143
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	17.790	17.790	0	100
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	532	8.476	7.944	1.593
3	Thu kết dư	0	400	400	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	1.084	1.084	
II	Chi ngân sách	21.642	31.286	9.644	145
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	21.642	31.286	9.644	145
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	0	0	

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện không có thu từ quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP.

(2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2020(Kèm theo báo cáo số **265**/BC-UBND ngày **5**.tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2020				Ước thực hiện năm 2020				So sánh (%)			
		Tổng	Bao gồm			Tổng	Bao gồm			Tổng	Bao gồm		
			Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ XNK
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	TỔNG SỐ	6.150	6.150	0	0	12.919	12.919	0	0	210	210		
1	Phường 1	1.223	1.223			1.930	1.930			158	158		
2	Phường 2	2.705	2.705			7.455	7.455			276	276		
3	Phường 3	1.810	1.810			2.540	2.540			140	140		
4	Phường An Đôn	200	200			755	755			378	378		
5	Xã Hải Lệ	212	212			239	239			113	113		

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ, PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 265/BC-UBND ngày 5 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa	Bao gồm										
				1. Thu từ DNNN do địa phương quản lý	2. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3. Lệ phí trước bạ	4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5. Các loại phí và lệ phí	6. Thu tiền sử dụng đất	7. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp	8. Thu tiền thuê đất	9. Thuế thu nhập cá nhân	10. Thu khác	11. Thu từ hoa lợi công ích
A	B	1	2	3	4	5								
	TỔNG SỐ	12.919,0	12.919,0	0,0	2.345,0	1.189,0	158,0	329,0	5.179,0	10,0	0,0	3.617,0	42,0	50,0
1	Phường 1	1.930,0	1.930,0	0	470	175	50,0	55,0	370	0	0	800	10	0
2	Phường 2	7.455,0	7.455,0	0	1.150	350	40	150,0	4.538	0	0	1.222	5	
3	Phường 3	2.540,0	2.540,0	0	680	475	40	88,0	0	7	0	1.240	10	0
4	P. An Đôn	755,0	755,0	0	10	166	20,0	10,0	271	1	0	272	5	0
5	Xã Hải Lệ	239,0	239,0	0	35,0	23,0	8,0	26,0	0	2	0	83	12	50

Ghi chú: (1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính chi tiết đến từng huyện; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện chi tiết đến từng xã.

(2) Thu nội địa chi tiết từng khu vực thu, khoản thu.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 265.../BC-UBND ngày 5 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2020	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSĐP	203.722	183.335	20.387	252.835	221.549	31.286	124	121	153
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	167.140	147.285	19.855	207.809	183.272	24.537	124	124	124
I	Chi đầu tư phát triển	40.099	40.099	0	64.250	64.250	0	160	160	
1	Chi đầu tư cho các dự án	38.899	38.899	0	64.250	64.250		165	165	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.530	2.530		2.713	2.713		107	107	
-	Chi khoa học và công nghệ	0			0					
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	35.494	35.494		44.032	44.032		124	124	
-	Chi đầu tư từ nguồn NS tình cân đối	4.605	4.605		4.305	4.305		93	93	
-	Chi đầu tư từ nguồn khác	4.605	4.605		15.913	15.913		346	346	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật	0	0		0					
3	Chi đầu tư phát triển khác	1.200	1.200		0			0	0	
II	Chi thường xuyên	123.344	103.912	19.432	143.559	119.022	24.537	116	115	126
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	61.152	60.927	225	61.284	61.059	225	100	100	100
2	Chi khoa học và công nghệ									

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2020	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
V	Dự phòng ngân sách	3.147	2.724	423				0	0	0
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	550	550							
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	36.582	36.050	532	27.276	20.527	6.749	75	57	1.269
I	Chi các CT mục tiêu quốc gia	0	0	0	2.425	1.955	470			
-	Chương trình XDNTM	0	0		2.230	1.760	470			
-	Chương trình xóa đói giảm nghèo	0	0		195	195				
II	Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ	36.582	36.050	532	24.851	18.572	6.279	68	52	1.180
-	KP phục vụ cho vận hành Tabmis	200	200		200	200		100	100	
-	Mua sắm trang thiết bị các cơ quan, đơn vị, phường, xã (đã trừ KP xây dựng tiêu chuẩn ISO)	356	190	166	356	190	166	100	100	100
-	Hỗ trợ địa phương thực hiện thực hiện các nhiệm vụ không cân đối đủ nguồn	7.530	7.530		7.530	7.530		100	100	#DIV/0!
-	Hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn thanh lý tài sản	27.000	27.000		0	0		0	0	
-	KP hoạt động tăng thêm của banTTNN	5		5	5		5	100		
-	Hỗ trợ KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND các cấp theo NQ 02/2017/NQ-HĐND	350	350	0	350	350		100		
-	Hỗ trợ hoạt động khu di tích quốc gia Thành Cổ	400	400		400	400	0	100	100	
-	Hỗ trợ hệ thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn	500	380	120	500	380	120	100	100	
-	KP hỗ trợ khắc phục bão lụt năm 2019	0	0	0	1.800	1.800	0			
-	KP hỗ trợ khắc phục bão lụt năm 2020	0			2.500	2.463	37			

26

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2020	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
-	Kinh phí hỗ trợ các hộ chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm, long móng	0			2.331		2.331			
-	Hỗ trợ KP phục vụ Đại hội Đảng	0			1.600	814	786			
-	KP chi trả cho đối tượng BTXH	0			1.000	1.000				
-	Phụ cấp đối với nhân viên, CTV thú y và khuyến nông năm 2018	241		241	241		241			
-	Kinh phí thực hiện chính sách điện hộ nghèo năm 2018	0			70	70				
-	KP thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2015,2016 và 2020	0			367	144	223			
-	KP thực hiện chính sách miễn, giảm học phí	0			319	319				
-	KP hỗ trợ tiền ăn cho trẻ 3-4 tuổi	0			49	49				
-	KP hỗ trợ học tập theo Thông tư 42	0			28	28				
-	KP hỗ trợ phát triển cây trồng, con nuôi chủ lực	0			100	100				
-	Bố trí vốn đối ứng Dự án LRAMP 2018	0			432	432				
-	KP bổ sung nguồn vốn hoạt động HTX kiểu mới	0			20	0	20			
-	KP thực hiện công tác tiếp nhận, cách ly công dân phòng chống bệnh Covid- 19	0			2.303	2.303				
-	Kinh phí hỗ trợ thực hiện NQ 42 cho các đối tượng chính sách và đối tượng khác	0			2.350		2.350			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0			17.750	17.750				

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 265./BC-UBND ngày 5 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	207.261	247.815	40.554	120
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NS XÃ	17.790	26.266	8.476	148
B	CHI NS CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	189.471	203.799	14.328	108
I	Chi đầu tư phát triển	74.099	74.027	-72	100
1	Chi đầu tư cho các dự án	57.224	67.450	10.226	118
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.530	2.713	183	107
-	Chi khoa học và công nghệ		0	0	
-	Chi quốc phòng		0	0	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	380	380	0	100
-	Chi y tế, dân số và gia đình		0	0	
-	Chi văn hóa thông tin	700	859	159	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		0	0	
-	Chi thể dục thể thao	400	400	0	
-	Chi bảo vệ môi trường	3.284	2.254	-1.030	69
-	Chi các hoạt động kinh tế	42.841	54.848	12.007	128
-	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	7.089	5.996	-1.093	85
-	Chi bảo đảm xã hội		0	0	
-	Chi đầu tư khác	0	0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN theo quy định của pháp luật		0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	16.875	6.577	-10.298	39
II	Chi thường xuyên	112.098	129.772	17.674	116
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	60.927	61.505	578	101
-	Chi khoa học và công nghệ (2)	0	0	0	
-	Chi quốc phòng	1.154	4.067	2.913	352
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	702	782	80	111
-	Chi y tế, dân số và gia đình	403	403	0	100
-	Chi văn hóa thông tin	1.854	1.908	54	103
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	561	581	20	104
-	Chi thể dục thể thao	180	180	0	100
-	Chi bảo vệ môi trường	7.845	9.984	2.139	127
-	Chi các hoạt động kinh tế	8.380	14.520	6.140	173
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	24.996	27.419	2.423	110
-	Chi bảo đảm xã hội	4.676	5.792	1.116	124
-	Chi thường xuyên khác	420	2.632	2.212	627
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
IV	Dự phòng ngân sách	2.724	0	0	
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	550	0	0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	17.750	17.750	

2d

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020
(Kèm theo báo cáo số **2.6.5...** /BC-UBND ngày **5.tháng12** năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2020					Ước thực hiện năm 2020					So sánh(%)				
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên	
			Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6/1	12=7/2	13=8/3	14=9/4	15=10/5
	TỔNG SỐ	21.642	0	0	21.642	225	31.286	0	0	31.286	225	145			145	100
1	Phường 1	4.047	0		4.047	45	5.210			5.210	45	129			129	100
2	Phường 2	4.247	0		4.247	45	6.279			6.279	45	148			148	100
3	Phường 3	4.825	0		4.825	45	7.142			7.142	45	148			148	100
4	Phường An Đôn	3.904	0		3.904	45	4.844			4.844	45	124			124	100
5	Xã Hải Lệ	4.491	0		4.491	45	7.811			7.811	45	174			174	100
6	Quỹ lương bc chưa tuyển, nâng lương trước thời hạn	128	0		128		0								0	

Ghi chú : (1) Chi ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; chi ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.

(2) Theo quy định tại Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG
QUẢN LÝ NĂM 2020**

(Kèm theo báo cáo số **.265..** /BC-UBND ngày **5**.tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên quỹ	Số dư nguồn đến ngày 31/12/2019	Kế hoạch năm 2020				Ước thực hiện năm 2020				Số dư nguồn đến 31/12/2019
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm 2019	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP			
A	B	1	2	3	4	5=1+2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	586,5	170,0	0,0	250,0	506,5	160	0	302	444,5	444,5
2	Quỹ vì người nghèo	30,0	235,0	10,0	160,0	105,0	235	10	160	75	105,0
3	Quỹ CDF	331,7			107,0	224,7	4,8		105,3	-100,5	231,2
4	Vốn ủy thác qua NHCSXH	0,0	325,0	300,0	325,0	0,0	300	300	300	0	0,0
5	Quỹ hỗ trợ Hội nông dân	0	100	100	100	0	50	50	50	0	0,0

2/20

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2020
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN)**

(Kèm theo báo cáo số...265... /BC-UBND ngày...5...tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2021	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ	6.060	5.772	95
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	2.880	2.824	98
	MN Thành Cổ	453	430	95
	MN Hoa mai	223	206	92
	MN Hương Sen	245	245	100
	MN Hoa Hồng	116	110	95
	MN Hoa Phượng	104	102	98
	THCS Thành Cổ	775	763	98
	TH&THCS Lương Thế Vinh	281	288	102
	TH & THCS Nguyễn Tất Thành	130	128	98
	TH & THCS Lý Tự Trọng	320	315	98
	TH & THCS Hải Lệ	73,4	77	105
	TT GDNN -GDTX	160	160	100
2	Sự nghiệp kinh tế	1580	1.450	92
	Ban Quản lý Chợ	1580	1.450	92
3	Sự nghiệp y tế	0	0	
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin	100	78	78
	TT VH TT-TD TT	100	78	78
5	Quản lý nhà nước	50	242	484
	Phòng QLĐT	0	222	
	Nhà Văn hóa thiếu nhi	50	20	40
6	Sự nghiệp Môi trường	1500	1.420	95
	Cty CP công trình MT Đô thị	1500	1.420	95

20